

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO

QUY HOẠCH VÙNG TÂY NGUYÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (DỰ THẢO LẦN 2)



Hà Nội, tháng 9/2023

BỘ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ



BÁO CÁO
QUY HOẠCH VÙNG TÂY NGUYÊN
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(DỰ THẢO LẦN 2)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
BỘ KẾ HOẠCH & ĐẦU TƯ

CƠ QUAN TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ
VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Hoàng Vĩnh Hưng

Hà Nội - Năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	12
1. Sự cần thiết lập quy hoạch vùng	12
2. Căn cứ lập quy hoạch	13
2.1. Các văn bản quy phạm pháp luật	13
2.2. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ	14
2.3. Các văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ	16
2.4. Các nghị quyết, chính sách, chiến lược phát triển của Đảng có liên quan đến vùng Tây Nguyên.....	17
3. Tên quy hoạch, phạm vi, ranh giới và thời kỳ quy hoạch	17
3.1. Tên quy hoạch.....	17
3.2. Phạm vi, ranh giới.....	17
3.3. Thời kỳ quy hoạch	18
3.4. Nhiệm vụ lập quy hoạch vùng	18
4. Quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc lập quy hoạch	19
4.1. Quan điểm lập quy hoạch	19
4.2. Mục tiêu lập quy hoạch.....	19
4.3. Nguyên tắc lập quy hoạch.....	20
5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch	20
5.1. Cách tiếp cận.....	20
5.2. Phương pháp lập quy hoạch.....	21
PHẦN NỘI DUNG	23
CHƯƠNG I: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, NGUỒN LỰC ĐẶC THÙ CỦA VÙNG	23
1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên	23
1.1. Vị trí địa lý	23
1.2. Các điều kiện tự nhiên	24
1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên	31
2. Hiện trạng phát triển vùng	32
2.1. Hiện trạng phát triển kinh tế, các ngành kinh tế và cơ sở hạ tầng kinh tế	32
2.2. Hiện trạng phát triển xã hội, các ngành văn hóa, xã hội và cơ sở hạ tầng xã hội.....	45

2.3. Hiện trạng phát triển tài nguyên thiên nhiên, môi trường.....	62
2.4. Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng	93
2.5. Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng	122
2.6. Hiện trạng liên kết vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế.....	160
2.7. Hiện trạng các nguồn lực của vùng đã và đang được khai thác, các tiềm năng chưa được khai thác	162
2.8. Các nguy cơ và tác động thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng.....	165
2.9. Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ trước.....	169
3. Vị trí, vai trò của vùng đối với quốc gia.....	182
4. Các vấn đề trọng tâm cần giải quyết.....	183
4.1. Các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng.....	183
4.2. Tổng hợp đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT).....	188
CHƯƠNG II: DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN VÀ CÁC KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN.....	196
1. Dự báo xu thế phát triển vùng.....	196
1.1. Phân tích các yếu tố tác động từ bên ngoài tác động đến lãnh thổ	196
1.2. Dự báo các yếu tố tác động chủ yếu đến lãnh thổ	201
2. Lựa chọn kịch bản phát triển	204
2.1. Xây dựng các kịch bản phát triển	204
2.2. Luận chứng lựa chọn kịch bản phát triển.....	210
2.3. Kịch bản tăng trưởng lựa chọn (Trên cơ sở kịch bản A2-B1)	234
CHƯƠNG III: QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÙNG.....	236
1. Quan điểm phát triển vùng.....	236
1.1. Tư tưởng chủ đạo, tầm nhìn phát triển và quan điểm về phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch.....	236
1.2. Quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, môi trường trong vùng	237
2. Mục tiêu phát triển vùng.....	238
2.1. Mục tiêu tổng quát	238
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	238
3. Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá.....	239
3.1. Các nhiệm vụ trọng tâm.....	239
3.2. Các đột phá phát triển	240

CHƯƠNG IV: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÓ LỢI THẾ	241
1. Xác định ngành có lợi thế và mục tiêu phát triển	241
1.1. Tiêu chí lựa chọn các ngành lĩnh vực lợi thế:	241
1.2. Lựa chọn các ngành lợi thế của Vùng	241
1.3. Định hướng và mục tiêu phát triển các ngành có lợi thế	241
2. Tổ chức không gian ngành có lợi thế	261
2.1. Nguyên tắc tổ chức không gian	261
2.2. Tổ chức không gian các ngành có lợi thế	261
3. Đề xuất giải pháp phát triển ngành có lợi thế	268
3.1. Giải pháp phát triển ngành nông nghiệp	268
3.2. Giải pháp phát triển ngành công nghiệp	270
3.3. Giải pháp phát triển ngành thương mại, dịch vụ	270
3.4. Giải pháp phát triển du lịch	272
3.5. Giải pháp phát triển thương mại biên giới	273
3.6. Giải pháp về phát triển kinh tế số	273
CHƯƠNG V: PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, SẮP XẾP, LỰA CHỌN VÀ PHÂN BỐ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN TRÊN LÃNH THỔ VÙNG	277
1. Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển các dự án quan trọng cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia trên lãnh thổ vùng	277
1.1. Nguyên tắc	277
1.2. Danh mục các dự án quan trọng quốc gia và phương án sắp xếp	277
2. Xây dựng và lựa chọn phương án phát triển không gian vùng	278
2.1. Mô hình cấu trúc không gian vùng	278
2.2. Các hành lang phát triển	281
2.3. Các tiểu vùng kinh tế - xã hội	286
2.4. Các khu vực bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển và các khu vực khuyến khích phát triển	289
2.5. Các đô thị giữ vai trò là cực tăng trưởng của vùng. Xác định các nguyên tắc tổ chức, quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn	291
3. Định hướng phân bổ nguồn lực trên lãnh thổ vùng phù hợp với phương án phát triển không gian vùng	295
3.1. Nguyên tắc phân bổ	295

3.2. Định hướng phân bổ nguồn lực	295
4. Nguyên tắc tổ chức liên kết không gian vùng, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên tỉnh.....	297
4.1. Tổ chức liên kết không gian liên vùng.....	297
4.2. Tổ chức liên kết không gian liên tỉnh nội vùng. Cơ chế phối hợp.....	300
CHƯƠNG VI. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG.....	303
1. Xác định hệ thống đô thị, nông thôn	303
1.1. Phương hướng xây dựng hệ thống đô thị.....	303
1.2. Phương hướng xây dựng hệ thống nông thôn.....	317
2. Xác định các khu chức năng	321
2.1. Các định các khu kinh tế.....	321
2.2. Xác định các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao	322
2.3. Xác định các khu du lịch.....	322
2.4. Xác định các khu nghiên cứu, đào tạo	323
2.5. Xác định các khu thể dục thể thao	323
3. Xác định các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh và các đối tượng đã được kiểm kê di tích	323
3.1. Vườn quốc gia, Khu bảo tồn	323
3.2. Các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh	324
4. Xác định các vùng sản xuất tập trung	325
4.1. Các vùng chuyên canh	325
4.2. Các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.....	326
4.3. Các vùng khai thác, chế biến khoáng sản	330
5. Các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	330
CHƯƠNG VII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG VÙNG	332
1. Phương án liên kết hệ thống đô thị cấp vùng, liên kết đô thị - nông thôn, liên kết các trung tâm kinh tế, KCN và vùng sản xuất tập trung trên lãnh thổ vùng	332
2. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng vùng	333
2.1. Các yêu cầu đối với hệ thống kết cấu hạ tầng vùng.....	333

2.2. Phương hướng phân bố và phát triển hệ thống hạ tầng xã hội đã được xác định trong quy hoạch quốc gia.....	336
2.3. Phương hướng phân bố và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật	340
2.4. Phương án liên kết hệ thống kết cấu hạ tầng vùng và liên tỉnh	379
CHƯƠNG VIII. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BĐKH.....	384
1. Phương hướng liên kết bảo vệ môi trường vùng và liên tỉnh, các lưu vực sông liên tỉnh	384
2. Phương hướng xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh	384
2.1. Phương hướng xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao	384
2.2. Phương hướng xác lập các vùng đất ngập nước quan trọng	385
2.3. Phương hướng xác lập các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng.....	386
2.4. Phương hướng xác lập các khu bảo tồn thiên nhiên	388
2.5. Phương hướng xác lập các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	389
2.6. Phương hướng xác lập các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh.....	390
3. Phương hướng phát triển hệ thống đê điều, kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên lãnh thổ vùng	390
3.1. Quan điểm và mục tiêu	390
3.2. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng	391
4. Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp	393
4.1. Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh.....	393
4.2. Kết cấu hạ tầng lâm nghiệp.....	396
5. Xây dựng cơ chế phối hợp thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông	397
6. Xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện các biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ vùng	397
6.1. Cơ chế hiện hành phối hợp bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH ở vùng Tây Nguyên,	398
6.2. Phương hướng tăng cường phối hợp bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH, quản lý và sử dụng tài nguyên bền vững	400

CHƯƠNG IX. PHƯƠNG HƯỚNG KHAI THÁC, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC LƯU VỰC SÔNG TRÊN LÃNH THỔ VÙNG.....	402
1. Định hướng phân vùng chức năng của nguồn nước.....	402
1.1. Định hướng phân vùng chức năng nguồn nước tỉnh Đắk Lắk.....	402
1.2. Định hướng phân vùng chức năng nguồn nước tỉnh Gia Lai	402
1.3. Định hướng phân vùng chức năng nguồn nước tỉnh Đắk Nông.....	404
1.4. Định hướng phân vùng chức năng nguồn nước tỉnh Lâm Đồng	406
1.5. Định hướng phân vùng chức năng nguồn nước tỉnh Kon Tum	409
2. Định hướng các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước	413
2.1. Nguyên tắc bảo vệ tài nguyên nước.....	413
2.2. Phương án bảo vệ tài nguyên nước.....	414
2.3. Phân vùng và bảo vệ chất lượng nước	415
2.4. Phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông	416
2.5. Khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	417
3. Định hướng hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước.....	417
3.1. Định hướng hệ thống giám sát chất lượng nước tỉnh Đắk Lắk	417
3.2. Định hướng hệ thống giám sát chất lượng nước tỉnh Gia Lai	417
3.3. Định hướng hệ thống giám sát chất lượng nước tỉnh Đắk Nông.....	418
3.4. Định hướng hệ thống giám sát chất lượng nước tỉnh Lâm Đồng	419
3.5. Định hướng hệ thống giám sát chất lượng nước tỉnh Kon Tum	420
4. Định hướng các giải pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.....	423
CHƯƠNG X. DANH MỤC DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN	426
1. Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của vùng trong thời kỳ quy hoạch	426
1.1. Nguyên tắc xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư	426
1.2. Tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư.....	426
2. Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của vùng, đề xuất thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện	427
2.1. Luận chứng về khả năng đáp ứng về nguồn lực	427

2.2. Xác định danh mục các dự án ưu tiên thực hiện.....	427
CHƯƠNG XI. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH	434
1. Giải pháp về cơ chế, chính sách đảm bảo liên kết vùng.....	434
1.1. Giải pháp chung	434
1.2. Giải pháp hợp tác tăng cường hợp tác nội vùng, liên vùng và hợp tác quốc tế.....	436
1.3. Tăng cường hiệu quả của các thể chế quản lý vùng, các cơ quan quản lý môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu	437
2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư	437
3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	439
4. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ	440
5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn	441
6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.....	442
PHẦN PHỤ LỤC	Error! Bookmark not defined.

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Đóng góp của các vùng vào tăng trưởng kinh tế cả nước.....	32
Bảng 2: Cơ cấu đóng góp GRDP các vùng trong tổng thể GDP cả nước giai đoạn 2011-2020	33
Bảng 3: Đóng góp của vùng Tây Nguyên so với các vùng khác vào tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cả nước	37
Bảng 4: Giá trị trên 1 ha đất nông nghiệp 2011-2020	39
Bảng 5: Đóng góp của các vùng Tây Nguyên so với các vùng khác vào tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng cả nước.....	42
Bảng 6: Số lượng chợ, siêu thị và trung tâm thương mại của vùng	43
Bảng 7: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vùng	44
Bảng 8: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011- 2020.....	45
Bảng 9: Dân số trung bình vùng giai đoạn 2016-2020.....	47
Bảng 10: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên.....	48
Bảng 11: Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc	48
Bảng 12: Lao động đang làm việc phân theo các khu vực vùng Tây Nguyên	49
Bảng 13: Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng năm 2020 theo giá hiện hành theo 05 nhóm thu nhập	51
Bảng 14: Hiện trạng trường, lớp, giáo viên và học sinh vùng năm 2020.....	54
Bảng 15: Số lượng giảng viên và sinh viên các trường đại học vùng	56
Bảng 16: Số giường bệnh, bác sỹ vùng Tây Nguyên năm 2020	57
Bảng 17: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin.....	57
Bảng 18: Một số chỉ tiêu phát triển bưu chính của vùng Tây Nguyên.....	61
Bảng 19: Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất vùng Tây Nguyên	64
Bảng 20: Tổng hợp hiện trạng các công trình khai thác sử dụng nước mặt vùng Tây Nguyên.....	69
Bảng 21: Tài nguyên nước dưới đất tích chứa Vn trong các tầng chứa nước ở các tỉnh Tây Nguyên (m3).....	69
Bảng 22: Kết quả xác định bổ cập cho nước dưới đất từ nước mưa ở Tây Nguyên	70
Bảng 23: Lượng bổ cập từ nước mưa cho nước dưới đất theo lưu vực sông ở Tây Nguyên (triệu m3/ngày).....	70
Bảng 24: Thống kê diện tích các nhóm đất vùng Tây Nguyên	77
Bảng 25: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh vùng Tây Nguyên giai đoạn 2015-2020	81
Bảng 26: Diện tích và độ che phủ rừng Tây Nguyên giai đoạn 2011-2020.....	91
Bảng 27: Thống kê số lượng đô thị toàn vùng theo loại đô thị	94
Bảng 28: Dân số đô thị trung bình năm phân theo tỉnh.....	95
Bảng 29: Đánh giá kết quả thực hiện theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012	99